BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THANH TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 133 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ô tô Trường Hải Long Biên - Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 198/QĐ-TTr ngày 25/4/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 23/5/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ô tô Trường Hải Long Biên - Hà Nội; thời kỳ thanh tra: từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/3/2024;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 30/5/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ô tô Trường Hải Long Biên - Hà Nội (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Tổ chức cấp trên: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thaco Auto.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 541 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109886724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/01/2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/10/2023.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh: buôn bán, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

- Điện thoại giao dịch: 02438773989

- Tài khoản số 1029468888 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương.

- Tổng số chi nhánh/ đơn vị hạch toán phụ thuộc: không.

- Tổ chức công đoàn cơ sở: thuộc Công đoàn Công ty Cổ phần tập đoàn Trường Hải.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm ngày 31/3/2024): 60 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động.

- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 18 người.

- Doanh nghiệp không yêu cầu người lao động trả phí cho việc tuyển dụng.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

a. Giao kết hợp đồng lao động (tính tại thời điểm ngày 31/3/2024)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 59 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 59 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 37 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 22 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0 người.

- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 01 người, đang trong thời gian thử việc.

- Hợp đồng lao động đã giao kết với 05 người lao động (Trịnh Quang Quyết, Đinh Thị Huệ, Trương Hùng Mạnh, Nguyễn Văn Tuyển, Nguyễn Trọng Nhất): mục phụ cấp lương ghi không cụ thể (ghi "theo quy chế của công ty trong thời kỳ") để làm căn cứ xác định tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động.

b. Chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 102 người lao động thôi việc, không có người thôi việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TƯLĐTT)

- Năm 2023, doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc và lập biên bản đối thoại theo quy định. Tuy nhiên, biên bản đối thoại định kỳ không ghi nội dung đối thoại phía tập thể người lao động đưa ra, không ghi các ý kiến trao đổi, đối thoại của các bên. Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh đối thoại khi có vụ việc.

- Doanh nghiệp áp dụng TƯLĐTT ký năm 2022. Hồ sơ xây dựng TƯLĐTT không lấy ý kiến của toàn bộ người lao động trong doanh nghiệp về dự thảo TƯLĐTT (chỉ lấy ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn).

- Đã gửi TƯLĐTT đã ký kết đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

- Đã xây dựng, ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng là 5.010.000 đồng/tháng.

- Thu nhập thấp nhất là 7.500.000 đồng/người/tháng, thu nhập cao nhất là 55.000.000 đồng/người/tháng, thu nhập bình quân là 11.000.000 đồng/người/tháng.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: trả lương theo thời gian (trả theo ngày).

- Doanh nghiệp trả lương cho người lao động qua tài khoản mở tại ngân hàng; trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

- Đã xây dựng, ban hành thang lương, bảng lương và định mức lao động năm 2022.

- Áp dụng quy chế trả lương của Công ty mẹ - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thaco Auto ban hành theo Quyết định số 45/2022/QĐ-PCT/THACO AUTO ngày 01/01/2022 của Chủ tịch Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thaco Auto.

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, tiền lương làm việc vào ngày nghỉ hằng tuần, nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc những ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không có.

- Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 40.000 đồng/người/ngày làm việc.

6. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần: làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần (nghỉ chủ nhật).

- Số giờ làm thêm của người làm thêm nhiều nhất trong tháng (tại bảng chấm công tháng 5/2023) là 37.5 giờ.

- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường, 14 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Doanh nghiệp đang sử dụng nội quy lao động đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội tháng 6/2022.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: không phát sinh.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 19 người.

- Thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: không sử dụng.

+ Đã thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh theo quy định.

+ Không phát sinh việc sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại và tranh chấp lao động:

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh khiếu nại và tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 15 người; không có lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 18 người. Chưa quy định mức phụ cấp trách nhiệm cho mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

- Đã bố trí 01 người lao động phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động (ông Trần Hồng Giang, trình độ kỹ sư và 05 năm kinh nghiệm làm việc tại doanh

nghiệp) theo Quyết định số 02/QĐ-TGĐ/THACO NVC ngày 01/3/2024 của Tổng giám đốc.

- Đã ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ năng lực theo quy định để bảo đảm công tác y tế, cấp cứu tại doanh nghiệp (Hợp đồng số 19-2024/HĐNT/JVSC-THLB ngày 01/1/2024 với Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Dịch vụ y tế Việt Nhật).

- Tổng số máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 13 máy, thiết bị (04 thang máy điện, 07 bàn nâng, 01 bình chịu áp lực và 01 hệ thống đường ống dẫn khí nén) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

- Đã thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.

- Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại (bồi dưỡng bằng sữa tươi, sữa chua với mức 20.000 đồng/ngày làm việc đối với người lao động làm công việc sơn, đồng và mức 15.000 đồng/người/ngày làm việc đối với bộ phận kỹ thuật viên sửa chữa gầm máy). Danh sách cấp phát thể hiện doanh nghiệp thực hiện bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật theo tháng.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Năm 2023, doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động (đo tổng số 65 mẫu, 65 mẫu đạt tiêu chuẩn).

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 28 người lao động; người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám sức khỏe 06 tháng/lần.

11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp: 59 người, trong đó:

+ Số người đã tham gia: 59 người.

+ Số người chưa tham gia: 0 người.

- Số người không thuộc đối tượng phải tham gia hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp: 01 người thử việc. Doanh nghiệp thỏa thuận trả thêm khoản tiền tương đương với mức đóng bảo hiểm thất nghiệp vào cùng kỳ trả lương với người thử việc trong hợp đồng thử việc.

- Số tiền chậm đóng tại thời điểm ngày 31/3/2024: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động; không yêu cầu người lao động trả phí cho việc tuyển dụng.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.7. Đã gửi TƯLĐTT đã ký kết đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

1.8. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.9. Doanh nghiệp trả lương cho người lao động qua tài khoản mở tại ngân hàng; trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương cho người lao động.

1.10. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động được ban hành năm 2022.

1.11. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, tiền lương làm việc vào ngày nghỉ hằng tuần, nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

1.12. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.13. Đã hỗ trợ bữa ăn ca cho người lao động với mức 40.000 đồng/người/ngày làm việc.

1.14. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.15. Sử dụng nội quy lao động đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

1.16. Trong kỳ thanh tra, không phát sinh việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương, bồi thường trách nhiệm vật chất.

1.17. Doanh nghiệp sử dụng 19 người lao động nữ và đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.18. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.19. Đã thống kê đủ số lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm để thực hiện các chế độ đối với người lao động.

1.20. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm.

1.21. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và ký hợp đồng với cơ sở y tế.

1.22. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với 13 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

1.23. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.24. Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.25. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.26. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.27. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.28. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.29. Đã trích đóng đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Hợp đồng lao động đã giao kết với 05 người lao động (Trịnh Quang Quyết, Đinh Thị Huệ, Trương Hùng Mạnh, Nguyễn Văn Tuyển, Nguyễn Trọng Nhất): mục phụ cấp lương ghi không cụ thể (ghi "theo quy chế của công ty trong thời kỳ") để làm căn cứ xác định tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động là chưa đúng quy định tại Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 21/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Biên bản đối thoại định kỳ không ghi nội dung đối thoại phía tập thể người lao động đưa ra, không ghi các ý kiến trao đổi, đối thoại của các bên là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.3. TƯLĐTT trước khi ký kết không lấy ý kiến của toàn bộ người lao động là không đúng quy định tại Điều 76 Bộ luật Lao động.

2.4. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.5. Chưa quy định mức phụ cấp trách nhiệm cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục các sai phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.2, 2.3 khi phát sinh.

- Khắc phục các sai phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo các hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 15/7/2024./.

Nơi nhận:
- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Thị Hồng Diệp